

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

HỢP ĐỒNG CUNG CẤP THỰC PHẨM

Số: 1001-01/2025/HDMB

- Căn cứ vào Bộ luật Dân sự và Thương mại số 36/2005/QH11 thông qua ngày 14 tháng 06 năm 2005 của Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2006;

- Căn cứ Luật thương mại được Quốc Hội thông qua ngày 14 tháng 6 năm 2005;

- Căn cứ vào nhu cầu và khả năng thực tế của hai bên.

Hôm nay, ngày 10 tháng 01 năm 2025, Chúng tôi gồm:

BÊN A: HỢP TÁC XÃ THỦY SẢN CÔNG NGHỆ CAO ĐẠI ÁNG

Địa chỉ : Thôn Đại Áng, Xã Ngọc Hồi, Thành phố Hà Nội

Điện thoại : 0984.533.658

Mã số thuế : 0108287213

Người đại diện : Ông Cao Đình Thanh Hải

Chức vụ : Giám đốc

Số tài khoản : 0000125105079 – Ngân hàng MB Bank chi nhánh Thanh Trì

BÊN B: CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM ĐĂNG ANH

Địa chỉ : Thôn Bạch Liên, Xã Hồng Vân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mã số thuế : 0108469365

Người đại diện : Bà Nguyễn Thị Lương

Chức vụ : Giám đốc

Số tài khoản : 200819858888 – Ngân hàng ACB chi nhánh Thường Tín

Sau khi bàn bạc hai bên đã thống nhất ký kết Hợp đồng cung cấp thực phẩm với các điều khoản sau:

ĐIỀU 1. TÊN HÀNG - SỐ LƯỢNG - CHẤT LƯỢNG - GIÁ CẢ:

1.1 Tên hàng: Bên A đồng ý cung cấp cho bên B mặt hàng thủy sản đã qua sơ chế và chế biến bao gồm: Cá phi lê, cá làm sạch còn đầu, cá làm sạch bỏ đầu.

1.2 Số lượng: Bên A sẽ căn cứ theo yêu cầu cụ thể của từng đơn đặt hàng mỗi ngày của bên B để cung cấp cho bên B hàng hoá theo đơn đặt hàng.

1.3 Quy cách - Chất lượng: Các sản phẩm của Bên A đảm bảo đạt tiêu chuẩn an toàn Vệ sinh thực phẩm.

1.4 Giá cả: Bên A có trách nhiệm gửi báo giá mới nhất cho bên B vào ngày 25 hàng tháng và báo giá sẽ được áp dụng cho các đơn đặt hàng kể từ ngày 01 của tháng kế tiếp.

ĐIỀU 2. PHƯƠNG THỨC ĐẶT HÀNG, GIAO NHẬN VÀ VẬN CHUYỂN

2.1 Thời gian đặt hàng theo hai phương án sau:

2.1.1 Phương án 01:

Bước 01: Vào ngày thứ Bảy hàng tuần, Quý khách vui lòng gửi lịch nhập hàng và số lượng dự kiến cho cả tuần kế tiếp.

Bước 02: Trước ngày giao hàng một ngày, Quý khách hàng sẽ gửi lại số lượng chốt cuối cùng và trước 17h30 để chúng tôi có thể chuẩn bị đầy đủ hàng hóa.

2.1.2 Phương án 02:

Bước 1: Quý khách vui lòng đặt hàng trước ngày giao hàng ít nhất một ngày và trước 11h00 trưa.

Bước 2: Đối với đơn hàng đặt sau 11h00 trưa, việc tiếp nhận đơn hàng sẽ tùy thuộc vào tình hình kho hàng của chúng tôi trong ngày hôm đó. Trong trường hợp không đủ hàng, chúng tôi sẽ thông báo ngay tới Quý khách hàng để có phương án thay thế.

2.2 Địa điểm giao hàng: Hai bên giao nhận hàng tại kho của Bên A

2.3 Thời gian giao hàng: Được ấn định trong khoảng thời gian từ 4h00 đến 21h00 hàng ngày và đảm bảo đủ số lượng hàng hóa bên B đã đặt trước đó.

2.4 Quy định giao nhận: Trong trường hợp hàng hóa giao tại kho của bên A, bên B có trách nhiệm kiểm tra số lượng và chất lượng ngay tại thời điểm nhận hàng.

ĐIỀU 3. PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

3.1 Hóa đơn chứng từ: Bên A sẽ chuyển toàn bộ chứng từ liên quan đến hàng hóa và công nợ cho bên B vào ngày thứ 6 (sáu) hàng tuần. Bên B có trách nhiệm đối chiếu và chốt công nợ cho bên A trong ngày.

3.2 Thời gian thanh toán: Bên B có trách nhiệm thanh toán toàn bộ tiền mua hàng cho Bên A chậm nhất vào ngày thứ 2 (hai) của tuần kế tiếp khi sau nhận được chứng từ thanh toán và hóa đơn VAT.

3.3 Hình thức thanh toán: Hai bên tự thống nhất hình thức thanh toán chuyển khoản hoặc tiền mặt

Chuyển khoản: Hợp Tác Xã Thủy Sản Công Nghệ Cao Đại Áng – 0000125105079 – Ngân hàng MB Bank chi nhánh Thanh Trì.

ĐIỀU 4. TRÁCH NHIỆM VẬT CHẤT CỦA CÁC BÊN.

4.1 Hai bên cam kết thực hiện nghiêm túc các điều khoản đã thỏa thuận trên, không được đơn phương thay đổi hoặc hủy đơn hàng hay hợp đồng, bên nào không thực hiện hoặc đơn phương đình chỉ đơn hàng hoặc thực hiện hợp đồng mà không có lý do chính đáng thì sẽ bị bồi thường tương ứng 100% giá trị đơn hàng.

4.2 Bên nào vi phạm các điều khoản trên đây sẽ phải chịu trách nhiệm theo quy định của các văn bản pháp luật có hiệu lực hiện hành về phạt vi phạm chất lượng, số lượng, thời gian, địa điểm, thanh toán, v.v... mức phạt cụ thể do hai bên thỏa thuận dựa trên khung phạt Nhà nước đã quy định trong các văn bản pháp luật về hợp đồng kinh tế.

ĐIỀU 5. HIỆU LỰC, THANH LÝ VÀ CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG

Hợp đồng này sẽ được chấm dứt trong trường hợp sau:

5.1 Khi bên B ngừng việc đặt hàng các sản phẩm của Bên A, thì Bên B có trách nhiệm báo trước cho Bên A trong khoảng thời gian ít nhất 05 ngày tính từ thời hạn giao đơn mua bán hàng cuối cùng và với điều kiện Bên B đã hoàn tất nghĩa vụ thanh toán của tháng trước đó.

Trong trường hợp việc chấm dứt hợp đồng trước thời hạn dẫn đến việc việc quyết toán không thể diễn ra như quy định tại Điều 3.1 và Điều 3.2 thì Bên B vẫn phải có trách nhiệm thanh toán toàn bộ công nợ còn thiếu trong vòng 10 ngày kể từ ngày đơn hàng cuối cùng được giao. Trong trường hợp Bên B không hoàn tất nghĩa vụ thanh toán thì sẽ bị phạt tương tự như quy định tại Điều 3.4.

5.2 Trường hợp một bên muốn chấm dứt hợp đồng trước thời hạn thì phải báo cáo cho Bên kia trước 10 ngày.

5.3 Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký đến hết ngày 31/12/2026 và tự động gia hạn khi 02 Bên không có thông báo tạm dừng hợp tác..

5.4 Thanh lý hợp đồng : Khi các bên đã hoàn thành trách nhiệm của mình theo các điều khoản của hợp đồng thì hợp đồng này coi như được thanh lý.

ĐIỀU 6. CAM KẾT CHUNG.

1. Hai bên cam đoan thực hiện nghiêm chỉnh những điều đã ký kết trong hợp đồng này. Bên nào gây thiệt hại thì phải bồi thường cho bên kia. Mọi vướng mắc hoặc tranh chấp sẽ được ưu tiên giải quyết bằng thương lượng trên tinh thần hợp tác của hai bên. Trường hợp hai bên không tự giải quyết được thì mọi tranh chấp phát sinh sẽ được phân xử tại Toà kinh tế TAND TP Hà Nội. Quyết định của Toà án là kết quả cuối cùng buộc các bên phải thực hiện. Các khoản lệ phí và chi phí tố tụng do bên có lỗi chịu trách nhiệm chi trả.

2. Hợp đồng này được lập thành 02 bản có giá trị pháp lý như nhau. Trong đó, Bên A bên giữ 01 bản, Bên B giữ 01 bản và có hiệu lực kể từ ngày ký./.



Lao Đình Thanh Hải



Nguyễn Thị Lương

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ HỢP TÁC XÃ

Mã số hợp tác xã: 0108287213

Đăng ký lần đầu, ngày 10 tháng 5 năm 2018

Đăng ký thay đổi lần thứ: 4, ngày 26 tháng 11 năm 2025

1. Tên hợp tác xã:

Tên hợp tác xã viết bằng tiếng Việt: HỢP TÁC XÃ THỦY SẢN CÔNG NGHỆ CAO ĐẠI ÁNG

Tên hợp tác xã viết bằng tiếng nước ngoài: HỢP TÁC XÃ THỦY SẢN CÔNG NGHỆ CAO ĐẠI ÁNG

Tên hợp tác xã viết tắt: HỢP TÁC XÃ THỦY SẢN CÔNG NGHỆ CAO ĐẠI ÁNG

2. Địa chỉ trụ sở chính: Thôn Đại Áng, Xã Ngọc Hò, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0984533658 Fax:

Email: Website:

3. Vốn điều lệ: 5.000.000.000 đồng (Năm tỷ đồng)

4. Người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã:

Họ và tên CAO ĐÌNH THANH HẢI Giới tính: Nam

Chức danh: Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc

Sinh ngày: 29/11/1993 Quốc tịch: Việt Nam

Số định danh cá nhân: 001093015518

Địa chỉ liên lạc: Tổ 10, phường Hoàng Mai, Hà Nội

KT. TRƯỞNG PHÒNG

PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN GỐC

Số chứng thực.....0071.....Cuyến số.....

Ngày: 08-01-2023



TUO CHỦ TỊCH
CHUYÊN QUẢN VĂN PHÒNG HĐND VÀ UBND



Hoàng Mai Hương



HANOI AGRICULTURAL PRODUCTS QUALITY
CERTIFICATION AND ANALYSIS CENTER

SỞ NÔNG NGHIỆP & MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI
TRUNG TÂM PHÂN TÍCH VÀ CHỨNG NHẬN
CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM NÔNG NGHIỆP



VICAS 052-FSMS

GIẤY CHỨNG NHẬN CERTIFICATE

CHỨNG NHẬN HỆ THỐNG QUẢN LÝ AN TOÀN THỰC PHẨM CỦA
This is to certify that the Food Safety Management System of

HỢP TÁC XÃ THUỶ SẢN CÔNG NGHỆ CAO ĐẠI ÁNG

Địa chỉ:

Thôn Đại Áng, Xã Ngọc Hồi, Thành phố Hà Nội

Địa chỉ sản xuất:

Thôn Đại Áng, Xã Ngọc Hồi, Thành phố Hà Nội

Đã được đánh giá phù hợp với yêu cầu của tiêu chuẩn:

Has been assessed and found to be in accordance with the requirements of:

ISO 22000:2018/ TCVN ISO 22000:2018

Trong lĩnh vực/For the following scope of registration:

Sản xuất, sơ chế, bảo quản thủy sản và sản phẩm thủy sản

Mã ngành/Category: AII*; CO

Mã số chứng nhận/Certificate No: 09/CN-Hanoi/2025-09

Giấy chứng nhận này có giá trị từ/This certificate is valid from:

11/11/2025 đến/to 10/11/2028

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Số chứng thực.....00069.....Duyệt số:.....

Ngày: 08-01-2025

09/CN-Hanoi/2025-09



ISO 22000:2018

TRUNG TÂM PHÂN TÍCH VÀ CHỨNG NHẬN
CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM NÔNG NGHIỆP
HÀ NỘI



Đỗ Quý Hùng

Số: 10/2025/HTQL

Được cấp theo Quyết định số 423/QĐ-TTPT ngày 11/11/2025

*Mã ngành hàng được công nhận BoA

Địa chỉ liên hệ: Số 143 Hồ Đắc Di, P. Kim Liên - Tổ 44, P. Từ Liêm, Hà Nội

Điện thoại: (0243) 8512566

Fax: (0243) 8512566

Email: ttptcnclsp_sonnpntnt@hanoi.gov.vn

Website: www.trungtamphanthichchungnhanhanoi.gov.vn



HANOI AGRICULTURAL PRODUCTS QUALITY
CERTIFICATION AND ANALYSIS CENTER

SỞ NÔNG NGHIỆP & MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI
TRUNG TÂM PHÂN TÍCH VÀ CHỨNG NHẬN
CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM NÔNG NGHIỆP



VICAS 052-VietGAP

GIẤY CHỨNG NHẬN VIETGAP

Số: 10/2025/VGTS

Tổ chức/cá nhân:

HỢP TÁC XÃ THỦY SẢN CÔNG NGHỆ CAO ĐẠI ÁNG

Địa chỉ:

Thôn Đại Áng, Xã Ngọc Hồi, Thành phố Hà Nội

Địa điểm sản xuất:

Thôn Đại Áng, Xã Ngọc Hồi, Thành phố Hà Nội

Tên sản phẩm/nhóm sản phẩm:

Cá rô phi, cá chép, cá trắm cỏ, cá diêu hồng, cá chim

Diện tích nuôi trồng:

1.750 m²

Sản lượng dự kiến:

420 tấn/năm

Sản phẩm đã được đánh giá phù hợp Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 13528-1:2022

Thực hành nuôi trồng thủy sản tốt (VietGAP) phần 1: Nuôi trồng thủy sản trong ao

MÃ SỐ CHỨNG NHẬN VietGAP:

CN 02-17 BNN/VGTS-01-0007

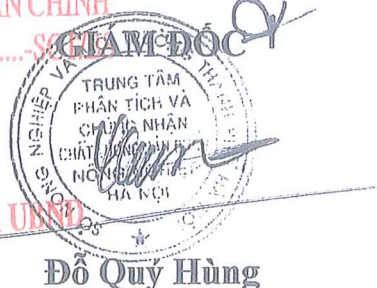
Được sử dụng dấu hiệu chứng nhận:



CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Số chứng thực..... 0070.1..... Quyền số:.....

Ngày: 08-11-2023

TUO CHỦ TỊCH
CHUYÊN VIÊN VÀ THƯỜNG HỌND VÀ ỦN



Đỗ Quý Hùng

Ngày cấp: 08/12/2025

Hiệu lực từ ngày 08/12/2025 đến ngày 08/10/2027

Được cấp theo Quyết định số 466/QĐ-TTPT ngày 08/12/2025

Địa chỉ liên hệ: Tổ 44, Phường Từ Liêm, Thành phố Hà Nội.

Điện thoại/Fax: (0243) 8512566

Email: ttptcnclsp_sonnptnt@hanoi.gov.vn

Website: www.trungtamphanlichchungnhanhanoi.gov.vn/



HANOI AGRICULTURAL PRODUCTS QUALITY
CERTIFICATION AND ANALYSIS CENTER

SỞ NÔNG NGHIỆP & MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI
TRUNG TÂM PHÂN TÍCH VÀ CHỨNG NHẬN
CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM NÔNG NGHIỆP



VICAS 052-VietGAP

Phụ lục
DANH MỤC SẢN PHẨM CHỨNG NHẬN VÀ SẢN LƯỢNG DỰ KIẾN
(Kèm theo Giấy chứng nhận VietGAP số: 10/2025/VGTS)

TT	Tên sản phẩm	Diện tích (m ²)	Sản lượng dự kiến (tấn/năm)
1	Cá rô phi	1250	300
2	Cá trôi		50
3	Cá trắm cỏ	125	10
4	Cá diêu hồng	125	10
5	Cá chim	250	50
	Tổng cộng	1750	420

GIẤY XÁC NHẬN TẬP HUẤN KIẾN THỨC VỀ AN TOÀN
THỰC PHẨM

SỐ: 03/ 2025 /XNKT- TSĐA

Tên cơ sở sản xuất, kinh doanh: HTX THỦY SẢN CÔNG NGHỆ CAO ĐẠI ÁNG

Địa chỉ: Thôn Đại Áng, xã Ngọc Hồi, Thành phố Hà Nội

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đầu tư (nếu có) số: 0108287213 đăng ký thay đổi lần thứ: 4, ngày 26/11/2025 nơi cấp: Phòng Kinh Tế - UBND Xã Ngọc Hồi

Điện thoại: 0984.533.658

Fax:

Xác nhận các ông/bà có tên theo danh sách kèm theo đã được tập huấn kiến thức về an toàn thực phẩm và đạt kết quả kiểm tra kiến thức về an toàn thực phẩm tại buổi kiểm tra ngày 14 tháng 12 năm 2025 theo quy định hiện hành

Giấy này có giá trị trong thời hạn 01 năm kể từ ngày cấp

Hà Nội, ngày 14 tháng 12 năm 2025

ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu)



Lao Đình Thanh Hải

Danh sách kèm theo Giấy xác nhận tập huấn kiến thức về an toàn thực phẩm
Số: 03/2025 /XNKT-TSĐA

TT	Họ và Tên	Nam	Nữ	Số hộ chiếu/ CMND/thẻ căn cước	Ngày/tháng/ năm cấ CMND/ thẻ căn cước	Bộ phận hiện đang làm việc tại cơ sở
1	Cao Đình Thanh Hải	x		001093015518	18/11/2025	Quản lý
2	Nguyễn Đức Sâm	x		001087013047	14/04/2021	Sản xuất
3	Nguyễn Danh Hoàng	x		001203015207	08/05/2021	Sản xuất
4	Hà Thị Vinh		x	038189030533	12/07/2021	Sản xuất
5	Vi Thị Phương		x	038198005164	05/05/2025	Sản xuất
6	Nguyễn Thị Hiền		x	001183029382	10/05/2021	Sản xuất
7	Lang Đức Lịch	x		040091013589	15/09/2022	Sản xuất
8	Hà Công Nghị	x		038097005679	28/06/2021	Sản xuất
9	Nguyễn Thị Thuần		x	001178008953	01/05/2021	Sản xuất
10	Nguyễn Văn Hiến	x		001098026542	14/04/2021	Sản xuất
11	Lê Duy Lễ	x		001202027351	24/06/2021	Sản xuất
12	Phạm Thùy Vân		x	038301006587	06/06/2023	Sản xuất
13	Hà Văn Duy	x		038094028534	18/03/2025	Sản xuất
14	Hà Văn Hùng	x		038096027157	29/05/2023	Sản xuất
15	Hà Văn Tính	x		038087015408	08/04/2022	Sản xuất
16	Hà Trọng Lập	x		038097001919	17/05/2021	Sản xuất
17	Hà Công Huyền	x		038095034544	03/12/2022	Sản xuất
18	Bùi Thị Quyết		x	01718601187	11/08/2021	Sản xuất
19	Nguyễn Thị Thanh Tâm		x	001184026775	11/08/2024	Sản xuất
20	Hoàng Thế Duy	x		001086040539	31/12/2021	Sản xuất
21	Bùi Xuân Sang	x		031099012050	13/11/2024	Sản xuất
22	Nguyễn Thị Thanh		x	001176027541	28/03/2021	Sản xuất
23	Hà Văn Chí	x		038207021191	02/11/2021	Sản xuất

Số: 083.02.7GSK - BVTL

Mẫu giấy khám sức khỏe dùng cho người đủ 18 tuổi trở lên
(Kèm theo mẫu số 01 Phụ lục số XXIV thông tư số 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ Y tế)



GIẤY KHÁM SỨC KHỎE

1. Họ và tên (viết chữ in hoa): CAO ĐÌNH THANH HẢI
2. Giới tính: Nam ☒ Nữ ☐
3. Sinh Ngày: 22 tháng 11 năm 1993 (Tuổi: 32)
4. Số CMND/CCCD/Hộ chiếu/danh CD: 001093015518
5. Cấp ngày: 18/11/2025 Tại Bộ Công An
6. Chỗ ở hiện tại: 78/10, Phường Hoàng Mai, Hà Nội



7. Lý do khám sức khỏe: Di: làm việc...
*Lưu ý: Trường hợp đối tượng KSK có CCCD gắn chip hoặc có sổ định danh công dân đã thực hiện kết nối với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, phần HÀNH CHÍNH nêu trên chỉ cần ghi các mục (3) Ngày tháng năm sinh, (4) số định danh công dân

TIỀN SỬ BỆNH CỦA ĐỐI TƯỢNG KHÁM SỨC KHỎE

1. Tiền sử gia đình: Ông (bà) mắc một trong các bệnh: truyền nhiễm, tim mạch, đái tháo đường, lao, hen phế quản, ung thư, động kinh, rối loạn tâm thần, bệnh khác:
a) Không ☐ b) Có ☐ ; Nếu "có", đề nghị ghi cụ thể tên bệnh:.....
2. Tiền sử bản thân: Ông (bà) đã/đang mắc bệnh, tình trạng bệnh nào sau đây không:

TT	Tên bệnh, tật	Có	Không	STT	Tên bệnh, tật	Có	Không
1	Có bệnh hay bị thương trong 5 năm qua		✓	12	Đái tháo đường hoặc kiểm soát tăng đường huyết		✓
2	Có bệnh thần kinh hay bị thương ở đầu		✓	13	Bệnh tâm thần		✓
3	Bệnh mắt hoặc giảm thị lực (trừ trường hợp đeo kính thuốc)		✓	14	Mất ý thức, rối loạn ý thức		✓
4	Bệnh ở tai, giảm sức nghe hoặc thăng bằng		✓	15	Ngất, chóng mặt		✓
5	Bệnh ở tim, hoặc nhồi máu cơ tim, các bệnh tim mạch khác		✓	16	Bệnh tiêu hóa		✓
6	Phẫu thuật can thiệp tim - mạch (thay van, bắc cầu nối, tạo hình mạch, máy tạo nhịp, đặt stent mạch, ghép tim)		✓	17	Rối loạn giấc ngủ, ngừng thở khi ngủ, ngủ rũ ban ngày, ngáy to		✓
7	Tăng huyết áp		✓	18	Tai biến mạch máu não hoặc liệt		✓
8	Khó thở		✓	19	Bệnh hoặc tổn thương cột sống		✓
9	Bệnh phổi, hen, khí phế thũng, viêm phế quản mạn tính		✓	20	Sử dụng rượu thường xuyên, liên tục		✓
10	Bệnh thận, lọc máu		✓	21	Sử dụng ma túy và chất gây nghiện		✓
11	Nghiện rượu, bia		✓	22	Bệnh khác (ghi rõ):.....		✓

- a) Ông (bà) có đang điều trị bệnh gì không? Nếu có, xin hãy liệt kê các thuốc đang dùng và liều lượng:
b) Tiền sử thai sản (Đối với phụ nữ):.....

Tôi xin cam đoan những điều khai trên đây hoàn toàn đúng với sự thật theo sự hiểu biết của tôi.

Hà Nội, ngày 09 tháng 12 năm 2025
Người đề nghị khám sức khỏe
(Ký và ghi rõ họ, tên)

Cao Đình Thanh Hải

I. KHÁM THỂ LỰC:

Chiều cao:160.....cm;

Cân nặng:65..... kg;

Chỉ số BMI:

Mạch:80.....lần/phút;

Huyết áp:100...../.....70..... mmHg

Phân loại thể lực:

II. KHÁM LÂM SÀNG

Nội dung khám		Họ tên và chữ ký của Bác sỹ chuyên khoa
1.	Nội khoa	
a)	Tuần hoàn	BT
	Phân loại	
b)	Hô hấp	BT
	Phân loại	
c)	Tiêu hóa	BT
	Phân loại	
d)	Thận-Tiết niệu	BT
	Phân loại	
đ)	Cơ - xương - khớp	BT
	Phân loại	
e)	Nội tiết	BT
	Phân loại	
g)	Thần kinh	BT
	Phân loại	
h)	Tâm thần	BT
	Phân loại	
2.	Ngoại khoa, Da liễu:	BT
	- Ngoại khoa:	
	Phân loại:	
	- Da liễu:	
	Phân loại:	
3.	Sân phụ khoa:	
	Phân loại:	
4.	Mắt	
Kết quả khám thị lực: Không kính: Mắt phải: Mắt trái: Có kính: Mắt phải: Mắt trái:		BS. Phạm Thị Hiền
Các bệnh về mắt (nếu có):		
Phân loại:		



Form code/ Mã biểu mẫu: NTL-TT04-BM04 LBH.0

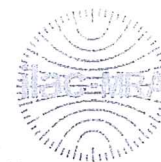


 Ha Noi Office: Km 11, National Highway 21, Hoa Lac Commune, Ha Noi City
 **Can Tho Office:** Street 12, KDC Company 8, Cai Rang Ward, Can Tho City

TESTING REPORT/
BÁO CÁO KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Form code/ Mã biểu mẫu: NTL-TT04-BM04 LBH.09

Code/ Mã mẫu:	KN142127018/1				
Sample name/ Tên mẫu:	Nước sản xuất				
Information provided by applicant/ (Thông tin được khách hàng cung cấp)	Nước sản xuất				
Test Parameter/ Chỉ tiêu phân tích	Test Method/ Phương pháp	Unit/ Đơn vị	LOD	Result/ Kết quả	QCVN 01- 1:2024/BYT
pH ⁽¹⁾	SMEWW 4500-H+: 2023	/	/	7.06	-
Clorua (Chloride) ⁽¹⁾	SMEWW 4500- Cl.B: 2023	mg/L	2.00	13.6	-
Sắt (Fe) ⁽¹⁾	SMEWW 3500- Fe.B:2023	mg/L	0.020	ND	0.3
Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N) ⁽¹⁾	TCVN 6179-1:1996	mg/L	0.025	ND	1
Permanganate (KMnO ₄) ⁽¹⁾	TCVN 6186:1996	mg/L	0.500	ND	2
Mùi ⁽¹⁾	SMEWW 2150 B: 2023	/	/	Không mùi	-
Clo dư tự do ⁽¹⁾	SMEWW 4500 Cl G:2023	mg/L	0.030	ND	-
Độ đục ⁽¹⁾	SMEWW 2130 B: 2023	NTU	/	0.010	2
Màu Sắc ⁽¹⁾	SMEWW 2120 C: 2023	Pt-Co	3.00	ND	15
Staphylococcus aureus ⁽¹⁾	SMEWW 9213B:2023	CFU/100ml	/	<1	<1
E.coli ⁽¹⁾	ISO 9308-1:2014/ Amd.1:2016	CFU/100ml	/	<1	<1
Pseudomonas aeruginosa ⁽¹⁾	ISO 16266:2006	CFU/100ml	/	<1	<1
Coliforms ⁽¹⁾	ISO 9308-1:2014/ Amd.1:2016	CFU/100ml	/	<1	<1
Asen (As) ⁽¹⁾	SMEWW 3030E:2023 SMEWW 3114B:2023	mg/L	0.001	ND	0.01
Conclusion/ Kết luận:					
Kết quả phân tích mẫu trên phù hợp yêu cầu quy định về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt theo QCVN 01-1:2024/BYT					
Chú thích: Phù hợp tuân thủ theo ILAC-G8:09/2019 mục 4.2.1					



TESTING REPORT/ BÁO CÁO KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Form code/ Mã biểu mẫu: NTL-TT04-BM04 LBH.08

I. CLIENT INFORMATION/ THÔNG TIN KHÁCH HÀNG:

Applicant/ ref. (Khách hàng/ số yêu cầu) : HỢP TÁC XÃ THỦY SẢN CÔNG NGHỆ CAO ĐẠI ÁNG
Address (Địa chỉ) : Thôn Đại Áng, Xã Đại Áng, Huyện Thanh Trì, Thành Phố Hà Nội

II. SAMPLE INFORMATION AND TESTING REQUISITION/ THÔNG TIN MẪU VÀ YÊU CẦU:

JOB No. (Số phiếu yêu cầu phân tích) : KN141425001
Information provided by applicant : CÁ RỎ PHI PHI LÊ KHÔNG XƯƠNG
(Thông tin được khách hàng cung cấp)
Sample description (Mô tả mẫu) : Mẫu được chứa trong túi kín còn nguyên vẹn, không niêm phong, bảo quản ở nhiệt độ -18 độ C
Seal No (Số niêm) : Không niêm phong
Source of sample (Nguồn mẫu) : Khách hàng gửi mẫu
Sampling on (Ngày lấy mẫu) : 25/02/2025
Sample received on (Ngày nhận mẫu) : 25/02/2025
Sample tested on (Ngày phân tích) : 25/02/2025
Report date (Ngày trả kết quả) : 03/03/2025
Sample retention time (Thời gian lưu mẫu) : 18/03/2025

Note / Ghi chú:

- (1) Testing parameter is sent to subcontractor accredited by NATEKLAB / Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ và được giám sát bởi NATEKLAB.
- (1) Parameter is accredited ISO17025 / Chỉ tiêu được công nhận ISO17025
- (2) Parameter is designated by Ministry of Agriculture and Rural Development / Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn
- (3) Parameter is designated by Ministry of Industry and Trade/ Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Công Thương
- (4) Parameter is designated by Ministry of Health / Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Y Tế
- ND: Not detected/ Không phát hiện D: Detected/ Phát hiện <1;<2;<3;<10: Not detected/g sample/ Không phát hiện/g mẫu
LOD: limit of detection/ Giới hạn phát hiện LOQ: Limit of Quantitation/ Giới hạn định lượng
- This testing result is only valid on tested sample. It is issued under our NATEK Terms and Conditions. NATEK only resolves complaints about analytical results within 7 days from the report date of results / Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử. Báo cáo này được ban hành theo những điều khoản kinh doanh của NATEK. NATEK chỉ giải quyết khiếu nại về kết quả phân tích trong vòng 7 ngày kể từ ngày trả kết quả
- The above result shall not be reproduced, partly or fully, unless written approval of NATEK is granted/ Không được sao chép kết quả này, một phần hay toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của đại diện NATEK

Authorized Technical Representative

Phụ trách kỹ thuật

CHỮ KÝ VÀ CHỮ ĐÓNG VỚI BẢN CHÍNH
Số chứng thực..... Quyền sở hữu.....

On behalf of NATEK

Đại diện NATEK

Ngày: 08-01-2023

ĐỖ THỊ NGỌC ANH

TUO. CHỦ TỊCH

TRUYỀN VIỆN VĂN PHÒNG HĐND VÀ UBND

HOÀNG VĂN HUYNH

NATEK JSC

- Ha Noi Office: Km 11, National highway 21, Thạch Thất district, Ha Noi city.
- Can Tho Office: Street 12, KDC Company 8, Hung Thanh ward, Cai Rang district, Can Tho city.
- Ho Chi Minh Office: SAIGON MIA building, KDC Trung Son, Binh Chanh district, HCM city.

TESTING REPORT/ BÁO CÁO KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Form code/ Mã biểu mẫu: NTL-TT04-BM04 LBH.08

Code/ Mã mẫu: HOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CƠ PHÂN		KN141425001/4			
Sample name/ Tên mẫu: CÁ		CÁ RÔ PHI PHI LÊ KHÔNG XƯƠNG			
Information provided by applicant/ (Thông tin được khách hàng cung cấp)					
Test Parameter/ Chỉ tiêu phân tích	Test Method/ Phương pháp	Unit/ Đơn vị	LOD	Result/ Kết quả	TCVN 5289:2006
Phát hiện Salmonella spp. ⁽¹⁾	ISO 6579-1:2017/Amd.1:2020	Phát hiện/25g	eLOD50= 3 CFU/25g	ND	0
Định lượng Clostridium perfringens ⁽¹⁾	ISO 15213-2:2023	CFU/g	/	<10	10 ²
Định lượng E.Coli dương tính β-glucuronidaza ⁽¹⁾	ISO 16649-2:2001	CFU/g	/	<10	10 ²
Định lượng Staphylococcus aureus ⁽¹⁾	AOAC 975.55	CFU/g	/	<10	10 ²
Định lượng vi sinh vật hiếu khí (TPC) ở 30°C ⁽¹⁾	ISO 4833-1:2013/Amd.1:2022	CFU/g	/	7.5x10 ³	10 ⁶
Định lượng Vibrio parahaemolyticus	TCVN 8988:2012	MPN/g	-	0	10 ²
Chì (Pb) ⁽¹⁾	AOAC 999.11	mg/kg	0.010	0.058	0.5
Cadimi (Cd) ⁽¹⁾	AOAC 999.11	mg/kg	0.002	ND	0.1
Thủy ngân (Hg) ⁽¹⁾	AOAC 971.21	mg/kg	0.0067	ND	-
Asen (As) ⁽¹⁾	AOAC 986.15	mg/kg	0.010	0.038	0.5
Histamin	NTL-HH608 Ref. AOAC 977.13	mg/kg	0.200	ND	100
Methyl Thủy Ngân (MeHg) ^(*)	MKL-HH718 Ref. Food analytical methods, 8(9), 2383-2391	mg/kg	0.100	ND	0.5

Conclusion/ Kết luận:

Kết quả phân tích mẫu trên phù hợp yêu cầu theo TCVN 5289:2006



TESTING REPORT/ BÁO CÁO KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Form code/ Mã biểu mẫu: NTL-TT04-BM04 LBH.08

I. CLIENT INFORMATION/ THÔNG TIN KHÁCH HÀNG:

Applicant/ ref. (Khách hàng/ số yêu cầu) : HỢP TÁC XÃ THỦY SẢN CÔNG NGHỆ CAO ĐẠI AN
Address (Địa chỉ) : Thôn Đại An, Xã Đại An, Huyện Thanh Trì, Thành Phố Hà Nội

II. SAMPLE INFORMATION AND TESTING REQUISITION/ THÔNG TIN MẪU VÀ YÊU CẦU:

JOB No. (Số phiếu yêu cầu phân tích) : KN141425001
Information provided by applicant (Thông tin được khách hàng cung cấp) : CÁ ĐIỀU HỒNG PHI LÊ KHÔNG XƯƠNG
Sample description (Mô tả mẫu) : Mẫu được chứa trong túi kín còn nguyên vẹn, không niêm phong, bảo quản ở nhiệt độ -18 độ C
Seal No (Số niêm) : Không niêm phong
Source of sample (Nguồn mẫu) : Khách hàng gửi mẫu
Sampling on (Ngày lấy mẫu) : 25/02/2025
Sample received on (Ngày nhận mẫu) : 25/02/2025
Sample tested on (Ngày phân tích) : 25/02/2025
Report date (Ngày trả kết quả) : 03/03/2025
Sample retention time (Thời gian lưu mẫu) : 18/03/2025

Note / Ghi chú:

- ⁽¹⁾ Testing parameter is sent to subcontractor accredited by NATEKLAB / Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ và được giám sát bởi NATEKLAB.
- ⁽¹⁾ Parameter is accredited ISO17025 / Chỉ tiêu được công nhận ISO17025
- ⁽²⁾ Parameter is designated by Ministry of Agriculture and Rural Development / Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn
- ⁽³⁾ Parameter is designated by Ministry of Industry and Trade / Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Công Thương
- ⁽⁴⁾ Parameter is designated by Ministry of Health / Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Y Tế
- ND: Not detected/ Không phát hiện D: Detected/ Phát hiện <1;<2;<3;<10: Not detected/g sample/ Không phát hiện/g mẫu
LOD: limit of detection/ Giới hạn phát hiện LOQ: Limit of Quantitation/ Giới hạn định lượng
- This testing result is only valid on tested sample. It is issued under our NATEK Terms and Conditions. NATEK only resolves complaints about analytical results within 7 days from the report date of results / Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử. Báo cáo này được ban hành theo những điều khoản kinh doanh của NATEK. NATEK chỉ giải quyết khiếu nại về kết quả phân tích trong vòng 7 ngày kể từ ngày trả kết quả
- The above result shall not be reproduced, partly or fully, unless written approval of NATEK is granted/ Không được sao chép kết quả này, một phần hay toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của đại diện NATEK

Authorized Technical Representative
Phụ trách kỹ thuật

ĐỖ THỊ NGỌC ÁNH

On behalf of NATEK
Đại diện NATEK



HOÀNG VĂN HUYNH

NATEK JSC

- Ha Noi Office: Km 11, National highway 21, Thach That district, Ha Noi city.
- Can Tho Office: Street 12, KDC Company 8, Hung Thanh ward, Cai Rang district, Can Tho city.
- Ho Chi Minh Office: SAIGON MIA building, KDC Trung Son, Binh Chanh district, HCM city.

TESTING REPORT/ BÁO CÁO KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Form code/ Mã biểu mẫu: NTL-TT04-BM04 LBH.08

Code/ Mã mẫu: KN141425001/2					
Sample name/ Tên mẫu: CÁ					
Information provided by applicant/ (Thông tin được khách hàng cung cấp) CÁ ĐIỀU HỒNG PHI LÊ KHÔNG XƯƠNG					
Test Parameter/ Chỉ tiêu phân tích	Test Method/ Phương pháp	Unit/ Đơn vị	LOD	Result/ Kết quả	TCVN 5289:2006
Phát hiện Salmonella spp. ⁽¹⁾	ISO 6579-1:2017/Amd.1:2020	Phát hiện/25g	eLOD50= 3 CFU/25g	ND	0
Định lượng Clostridium perfringens ⁽¹⁾	ISO 15213-2:2023	CFU/g	/	<10	10 ²
Định lượng E.Coli dương tính β-glucuronidaza ⁽¹⁾	ISO 16649-2:2001	CFU/g	/	<10	10 ²
Định lượng Staphylococcus aureus ⁽¹⁾	AOAC 975.55	CFU/g	/	<10	10 ²
Định lượng vi sinh vật hiếu khí (TPC) ở 30°C ⁽¹⁾	ISO 4833-1:2013/Amd.1:2022	CFU/g	/	5.0x10 ⁴	10 ⁶
Định lượng Vibrio parahaemolyticus	TCVN 8988:2012	MPN/g	-	0	10 ²
Chì (Pb) ⁽¹⁾	AOAC 999.11	mg/kg	0.010	0.038<LOQ (0.050)	0.5
Cadimi (Cd) ⁽¹⁾	AOAC 999.11	mg/kg	0.002	ND	0.1
Thủy ngân (Hg) ⁽¹⁾	AOAC 971.21	mg/kg	0.0067	ND	-
Asen (As) ⁽¹⁾	AOAC 986.15	mg/kg	0.010	0.046	0.5
Histamin	NTL-HH608 Ref.AOAC 977.13	mg/kg	0.200	ND	100
Methyl Thủy Ngân (MeHg) ^(*)	MKL-HH718 Ref. Food analytical methods, 8(9), 2383-2391	mg/kg	0.100	ND	0.5
Conclusion/ Kết luận: Kết quả phân tích mẫu trên phù hợp yêu cầu theo TCVN 5289:2006					



TESTING REPORT/ BÁO CÁO KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Form code/ Mã biểu mẫu: NTL-TT04-BM04 LBH.08

I. CLIENT INFORMATION/ THÔNG TIN KHÁCH HÀNG:

Applicant/ ref. (Khách hàng/ số yêu cầu) : HỢP TÁC XÃ THỦY SẢN CÔNG NGHỆ CAO ĐẠI ÁNG
Address (Địa chỉ) : Thôn Đại Áng, Xã Đại Áng, Huyện Thanh Trì, Thành Phố Hà Nội

II. SAMPLE INFORMATION AND TESTING REQUISITION/ THÔNG TIN MẪU VÀ YÊU CẦU:

JOB No. (Số phiếu yêu cầu phân tích) : KN141425001
Information provided by applicant : CÁ QUẢ PHI LÊ
(Thông tin được khách hàng cung cấp)
Sample description (Mô tả mẫu) : Mẫu được chứa trong túi kín còn nguyên vẹn, không niêm phong, bảo quản ở nhiệt độ -18 độ C
Seal No (Số niêm) : Không niêm phong
Source of sample (Nguồn mẫu) : Khách hàng gửi mẫu
Sampling on (Ngày lấy mẫu) : 25/02/2025
Sample received on (Ngày nhận mẫu) : 25/02/2025
Sample tested on (Ngày phân tích) : 25/02/2025
Report date (Ngày trả kết quả) : 03/03/2025
Sample retention time (Thời gian lưu mẫu) : 18/03/2025

Note / Ghi chú:

- ⁽¹⁾ Testing parameter is sent to subcontractor accredited by NATEKLAB / Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ và được giám sát bởi NATEKLAB.
- ⁽¹⁾ Parameter is accredited ISO17025 / Chỉ tiêu được công nhận ISO17025
- ⁽²⁾ Parameter is designated by Ministry of Agriculture and Rural Development / Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn
- ⁽³⁾ Parameter is designated by Ministry of Industry and Trade/ Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Công Thương
- ⁽⁴⁾ Parameter is designated by Ministry of Health / Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Y Tế
- ND: Not detected/ Không phát hiện D: Detected/ Phát hiện <1;<2;<3;<10: Not detected/g sample/ Không phát hiện/g mẫu
LOD: limit of detection/ Giới hạn phát hiện LOQ: Limit of Quantitation/ Giới hạn định lượng
- This testing result is only valid on tested sample. It is issued under our NATEK Terms and Conditions. NATEK only resolves complaints about analytical results within 7 days from the report date of results / Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử. Báo cáo này được ban hành theo những điều khoản kinh doanh của NATEK. NATEK chỉ giải quyết khiếu nại về kết quả phân tích trong vòng 7 ngày kể từ ngày trả kết quả
- The above result shall not be reproduced, partly or fully, unless written approval of NATEK is granted/ Không được sao chép kết quả này, một phần hay toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của đại diện NATEK

Authorized Technical Representative
Phụ trách kỹ thuật

ĐỖ THỊ NGỌC ÁNH

On behalf of NATEK
Đại diện NATEK



HOÀNG VĂN HUYNH

NATEK JSC

- Hà Nội Office: Km 11, National highway 21, Thạch Thất district, Hà Nội city.
- Cần Thơ Office: Street 12, KDC Company 8, Hưng Thạnh ward, Cai Rang district, Cần Thơ city.
- Hồ Chí Minh Office: SAIGON MIA building, KDC Trung Sơn, Bình Chánh district, HCM city.

TESTING REPORT/ BÁO CÁO KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Form code/ Mã biểu mẫu: NTL-TT04-BM04 LBH.08

Code/ Mã mẫu: KN141425001/3					
Sample name/ Tên mẫu: CÁ					
Information provided by applicant/ (Thông tin được khách hàng cung cấp) CÁ QUẢ PHI LÊ					
Test Parameter/ Chỉ tiêu phân tích	Test Method/ Phương pháp	Unit/ Đơn vị	LOD	Result/ Kết quả	TCVN 5289:2006
Phát hiện Salmonella spp. ⁽¹⁾	ISO 6579-1:2017/Amd.1:2020	Phát hiện/25g	eLOD50= 3 CFU/25g	ND	0
Định lượng Clostridium perfringens ⁽¹⁾	ISO 15213-2:2023	CFU/g	/	<10	10 ²
Định lượng E.Coli dương tính β-glucuronidaza ⁽¹⁾	ISO 16649-2:2001	CFU/g	/	<10	10 ²
Định lượng Staphylococcus aureus ⁽¹⁾	AOAC 975.55	CFU/g	/	<10	10 ²
Định lượng vi sinh vật hiếu khí (TPC) ở 30°C ⁽¹⁾	ISO 4833-1:2013/Amd.1:2022	CFU/g	/	2.9x10 ⁴	10 ⁶
Định lượng Vibrio parahaemolyticus	TCVN 8988:2012	MPN/g	-	0	10 ²
Chì (Pb) ⁽¹⁾	AOAC 999.11	mg/kg	0.010	0.023<LOQ (0.050)	0.5
Cadimi (Cd) ⁽¹⁾	AOAC 999.11	mg/kg	0.002	ND	0.1
Thủy ngân (Hg) ⁽¹⁾	AOAC 971.21	mg/kg	0.0067	ND	-
Asen (As) ⁽¹⁾	AOAC 986.15	mg/kg	0.010	0.052	0.5
Histamin	NTL-HH608 Ref.AOAC 977.13	mg/kg	0.200	ND	100
Methyl Thủy Ngân (MeHg) ⁽¹⁾	MKL-HH718 Ref. Food analytical methods, 8(9), 2383-2391	mg/kg	0.100	ND	0.5
Conclusion/ Kết luận: Kết quả phân tích mẫu trên phù hợp yêu cầu theo TCVN 5289:2006					



TESTING REPORT/ BÁO CÁO KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Form code/ Mã biểu mẫu: NTL-TT04-BM04 LBH.08

I. CLIENT INFORMATION/ THÔNG TIN KHÁCH HÀNG:

Applicant/ ref. (Khách hàng/ số yêu cầu) : HỢP TÁC XÃ THỦY SẢN CÔNG NGHỆ CAO ĐẠI ANGI
Address (Địa chỉ) : Thôn Đại AnGI, Xã Đại AnGI, Huyện Thanh Trì, Thành Phố Hà Nội

II. SAMPLE INFORMATION AND TESTING REQUISITION/ THÔNG TIN MẪU VÀ YÊU CẦU:

JOB No. (Số phiếu yêu cầu phân tích) : KN141425001
Information provided by applicant (Thông tin được khách hàng cung cấp) : CÁ RÔ PHI SƠ CHẾ LÀM SẠCH
Sample description (Mô tả mẫu) : Mẫu được chứa trong túi kín còn nguyên vẹn, không niêm phong, bảo quản ở nhiệt độ -18 độ C
Seal No (Số niêm) : Không niêm phong
Source of sample (Nguồn mẫu) : Khách hàng gửi mẫu
Sampling on (Ngày lấy mẫu) : 25/02/2025
Sample received on (Ngày nhận mẫu) : 25/02/2025
Sample tested on (Ngày phân tích) : 25/02/2025
Report date (Ngày trả kết quả) : 03/03/2025
Sample retention time (Thời gian lưu mẫu) : 18/03/2025

Note / Ghi chú:

- ⁽¹⁾ Testing parameter is sent to subcontractor accredited by NATEKLAB / Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ và được giám sát bởi NATEKLAB.
- ⁽¹⁾ Parameter is accredited ISO17025 / Chỉ tiêu được công nhận ISO17025
- ⁽²⁾ Parameter is designated by Ministry of Agriculture and Rural Development / Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn
- ⁽³⁾ Parameter is designated by Ministry of Industry and Trade/ Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Công Thương
- ⁽⁴⁾ Parameter is designated by Ministry of Health / Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Y Tế
- ND: Not detected/ Không phát hiện D: Detected/ Phát hiện <1;<2;<3;<10: Not detected/g sample/ Không phát hiện/g mẫu
LOD: limit of detection/ Giới hạn phát hiện LOQ: Limit of Quantitation/ Giới hạn định lượng
- This testing result is only valid on tested sample. It is issued under our NATEK Terms and Conditions. NATEK only resolves complaints about analytical results within 7 days from the report date of results / Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử. Báo cáo này được ban hành theo những điều khoản kinh doanh của NATEK. NATEK chỉ giải quyết khiếu nại về kết quả phân tích trong vòng 7 ngày kể từ ngày trả kết quả
- The above result shall not be reproduced, partly or fully, unless written approval of NATEK is granted/ Không được sao chép kết quả này, một phần hay toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của đại diện NATEK

Authorized Technical Representative

Phụ trách kỹ thuật

ĐỖ THỊ NGỌC ANH

On behalf of NATEK

Đại diện NATEK



HOÀNG VĂN HUYNH

NATEK JSC

- Ha Noi Office: Km 11, National highway 21, Thach That district, Ha Noi city.
- Can Tho Office: Street 12, KDC Company 8, Hung Thanh ward, Cai Rang district, Can Tho city.
- Ho Chi Minh Office: SAIGON MIA building, KDC Trung Son, Binh Chanh district, HCM city.

TESTING REPORT/ BÁO CÁO KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Form code/ Mã biểu mẫu: NTL-TT04-BM04 LBH.08



Code/ Mã mẫu: KN141425001/5
 Sample name/ Tên mẫu: CÀ
 Information provided by applicant/ (Thông tin được khách hàng cung cấp): CÀ RÔ PHI SƠ CHẾ LÀM SẠCH

Test Parameter/ Chỉ tiêu phân tích	Test Method/ Phương pháp	Unit/ Đơn vị	LOD	Result/ Kết quả	TCVN 5289:2006
Phát hiện Salmonella spp. ⁽¹⁾	ISO 6579-1:2017/Amd.1:2020	Phát hiện/25g	eLOD50= 3 CFU/25g	ND	0
Định lượng Clostridium perfringens ⁽¹⁾	ISO 15213-2:2023	CFU/g	/	<10	10 ²
Định lượng E.Coli dương tính β-glucuronidaza ⁽¹⁾	ISO 16649-2:2001	CFU/g	/	<10	10 ²
Định lượng Staphylococcus aureus ⁽¹⁾	AOAC 975.55	CFU/g	/	<10	10 ²
Định lượng vi sinh vật hiếu khí (TPC) ở 30°C ⁽¹⁾	ISO 4833-1:2013/Amd.1:2022	CFU/g	/	6.9x10 ³	10 ⁶
Định lượng Vibrio parahaemolyticus	TCVN 8988:2012	MPN/g	-	0	10 ²
Chì (Pb) ⁽¹⁾	AOAC 999.11	mg/kg	0.010	0.023<LOQ	0.5
Cadimi (Cd) ⁽¹⁾	AOAC 999.11	mg/kg	0.002	ND	0.1
Thủy ngân (Hg) ⁽¹⁾	AOAC 971.21	mg/kg	0.0067	ND	-
Asen (As) ⁽¹⁾	AOAC 986.15	mg/kg	0.010	0.041	0.5
Histamin	NTL-HH608 Ref.AOAC 977.13	mg/kg	0.200	ND	100
Methyl Thủy Ngân (MeHg) ^(*)	MKL-HH718 Ref. Food analytical methods, 8(9), 2383-2391	mg/kg	0.100	ND	0.5

Conclusion/ Kết luận:

Kết quả phân tích mẫu trên phù hợp yêu cầu theo TCVN 5289:2006



TESTING REPORT/ BÁO CÁO KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Form code/ Mã biểu mẫu: NTL-TT04-BM04 LBH.08

I. CLIENT INFORMATION/ THÔNG TIN KHÁCH HÀNG:

Applicant/ ref. (Khách hàng/ số yêu cầu) : HỢP TÁC XÃ THỦY SẢN CÔNG NGHỆ CAO ĐẠI AN
Address (Địa chỉ) : Thôn Đại Áng, Xã Đại Áng, Huyện Thanh Trì, Thành Phố Hà Nội

II. SAMPLE INFORMATION AND TESTING REQUISITION/ THÔNG TIN MẪU VÀ YÊU CẦU:

JOB No. (Số phiếu yêu cầu phân tích) : KN141425001
Information provided by applicant (Thông tin được khách hàng cung cấp) : CÁ TRÁM SƠ CHẾ LÀM SẠCH
Sample description (Mô tả mẫu) : Mẫu được chứa trong túi kín còn nguyên vẹn, không niêm phong, bảo quản ở nhiệt độ -18 độ C
Seal No (Số niêm) : Không niêm phong
Source of sample (Nguồn mẫu) : Khách hàng gửi mẫu
Sampling on (Ngày lấy mẫu) : 25/02/2025
Sample received on (Ngày nhận mẫu) : 25/02/2025
Sample tested on (Ngày phân tích) : 25/02/2025
Report date (Ngày trả kết quả) : 03/03/2025
Sample retention time (Thời gian lưu mẫu) : 18/03/2025

Note / Ghi chú:

- ⁽¹⁾ Testing parameter is sent to subcontractor accredited by NATEKLAB / Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ và được giám sát bởi NATEKLAB.
- ⁽¹⁾ Parameter is accredited ISO17025 / Chỉ tiêu được công nhận ISO17025
- ⁽²⁾ Parameter is designated by Ministry of Agriculture and Rural Development / Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn
- ⁽³⁾ Parameter is designated by Ministry of Industry and Trade / Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Công Thương
- ⁽⁴⁾ Parameter is designated by Ministry of Health / Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Y Tế
- ND: Not detected/ Không phát hiện D: Detected/ Phát hiện <1;<2;<3;<10: Not detected/ sample/ Không phát hiện/ mẫu
LOD: limit of detection/ Giới hạn phát hiện LOQ: Limit of Quantitation/ Giới hạn định lượng
- This testing result is only valid on tested sample. It is issued under our NATEK Terms and Conditions. NATEK only resolves complaints about analytical results within 7 days from the report date of results / Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử. Báo cáo này được ban hành theo những điều khoản kinh doanh của NATEK. NATEK chỉ giải quyết khiếu nại về kết quả phân tích trong vòng 7 ngày kể từ ngày trả kết quả
- The above result shall not be reproduced, partly or fully, unless written approval of NATEK is granted/ Không được sao chép kết quả này, một phần hay toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của đại diện NATEK

Authorized Technical Representative

Phụ trách kỹ thuật

ĐỖ THỊ NGỌC ÁNH

On behalf of NATEK

Đại diện NATEK



HOÀNG VĂN HUYNH

NATEK JSC

- Hà Nội Office: Km 11, National highway 21, Thạch Thất district, Hà Nội city.
- Can Tho Office: Street 12, KDC Company 8, Hung Thanh ward, Cai Rang district, Can Tho city.
- Ho Chi Minh Office: SAIGON MIA building, KDC Trung Son, Binh Chanh district, HCM city.

TESTING REPORT/ BÁO CÁO KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Form code/ Mã biểu mẫu: NTL-TT04-BM04 LBH.08

Code/ Mã mẫu: KN141425001/6					
Sample name/ Tên mẫu: CÁ					
Information provided by applicant/ (Thông tin được khách hàng cung cấp): CÁ TRÀM SƠ CHẾ LÀM SẠCH					
Test Parameter/ Chỉ tiêu phân tích	Test Method/ Phương pháp	Unit/ Đơn vị	LOD	Result/ Kết quả	TCVN 5289:2006
Phát hiện Salmonella spp. ⁽¹⁾	ISO 6579-1:2017/Amd.1:2020	Phát hiện/25g	eLOD50= 3 CFU/25g	ND	0
Định lượng Clostridium perfringens ⁽¹⁾	ISO 15213-2:2023	CFU/g	/	<10	10 ²
Định lượng E.Coli dương tính β-glucuronidaza ⁽¹⁾	ISO 16649-2:2001	CFU/g	/	<10	10 ²
Định lượng Staphylococcus aureus ⁽¹⁾	AOAC 975.55	CFU/g	/	<10	10 ²
Định lượng vi sinh vật hiếu khí (TPC) ở 30°C ⁽¹⁾	ISO 4833-1:2013/Amd.1:2022	CFU/g	/	1.5x10 ⁴	10 ⁶
Định lượng Vibrio parahaemolyticus	TCVN 8988:2012	MPN/g	-	0	10 ²
Chì (Pb) ⁽¹⁾	AOAC 999.11	mg/kg	0.010	0.051	0.5
Cadimi (Cd) ⁽¹⁾	AOAC 999.11	mg/kg	0.002	ND	0.1
Thủy ngân (Hg) ⁽¹⁾	AOAC 971.21	mg/kg	0.0067	ND	-
Asen (As) ⁽¹⁾	AOAC 986.15	mg/kg	0.010	0.051	0.5
Histamin	NTL-HH608 Ref. AOAC 977.13	mg/kg	0.200	ND	100
Methyl Thủy Ngân (MeHg) ⁽¹⁾	MKL-HH718 Ref. Food analytical methods, 8(9), 2383-2391	mg/kg	0.100	ND	0.5
Conclusion/ Kết luận: Kết quả phân tích mẫu trên phù hợp yêu cầu theo TCVN 5289:2006					